

Số: 57 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0038.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : KTV. Nhân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi, Số 180 Phú Lợi, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 13/1/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 300mL x 2

Ngày nhận mẫu : 13/01/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh 300mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	14/01/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	14/01/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,72	2	14/01/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - CI F-2012	0,45	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - CI ⁻ B - 2012 (*)	250,00	250,00	14/01/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	160,00	300,00	14/01/2020
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,37	2	14/01/2020
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	2,94	15	14/01/2020
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	14/01/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/01/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,84	50	14/01/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	14/01/2020
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	6,75	6,5 - 8,5	14/01/2020
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,05	0,3	14/01/2020
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	176,0	250	14/01/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Mã số mẫu: 0038.20

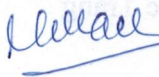
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

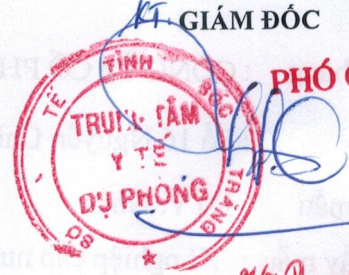
Sóc Trăng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Ths. QUÁCH VĨNH THUẬN

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100ml)	ISO 9606 - 1:2014 (B)	0	0	14/01/2020
2	Escherichia coli (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B)	0	0	14/01/2020
3	Coliforms tổng số (mg/l)	TCVN 6186 - 1:1996 (*)	0,75	3	14/01/2020
4	Clorua (mg/l)	SMEWW 4500 - Cl - 2012	0,43	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Clorua (mg/l)	SMEWW 4500 - Cl - 2012	250,00	250,00	14/01/2020
6	Độ cứng tổng cộng (mg/l)	SMEWW 2390C - 2012 (*)	180,00	200,00	14/01/2020
7	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2130B - 2012	0,35	3	14/01/2020
8	Độ màu (màu sắc) (PCU)	SMEWW 5120C - 2012 (*)	2,94	15	14/01/2020
9	Độ màu (màu sắc) (mg/l)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	0,06	0,3	14/01/2020
10	Mn vi	Cẩn quan	Không có mức vi là	Không có mức vi là	14/01/2020
11	Nitrate (mg/l)	TCVN 6180 - 1:1996	0,34	30	14/01/2020
12	Nitrite (mg/l)	SMEWW 4500 - NO ₂ - B - 2012 (*)	Không phát hiện	3	14/01/2020
13	pH	TCVN 6145:2011 (*)	6,75	6,5 - 8,5	14/01/2020
14	Độ cứng tổng cộng (mg/l)	SMEWW 3500 Td - B - 2012	0,05	0,3	14/01/2020
15	Độ màu (mg/l)	SMEWW 432 C - 2012	176,0	250	14/01/2020

Số: 58 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0039.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : KTV. Nhân
Địa điểm lấy mẫu : Quán cafe Lan Phương, đường Phú Lợi, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 13/1/2020
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 300mL x 2
Ngày nhận mẫu : 13/01/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh 300mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	14/01/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	14/01/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,96	2	14/01/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,36	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,52	2	14/01/2020
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,73	15	14/01/2020
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	14/01/2020
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,09	0,3	14/01/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Võ Quang Hà

Mã số mẫu: 0038.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

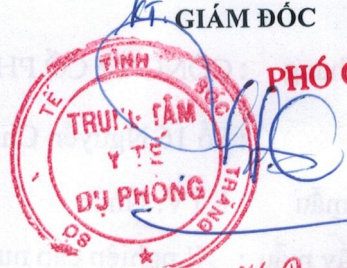
Sóc Trăng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Ths. QUÁCH VĨNH THUẬN

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

BS. CKII. Võ Quang Hà

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9248 - 1:2014 (B) (*)	0	0	14/01/2020
2	Bacterioides coli (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1:2014 (B) (*)	0	0	14/01/2020
3	Coli số fecal (mg/L)	TCVN 6180 - 1996 (*)	0,75	3	14/01/2020
4	Clorua (mg/L)	SMBW 4500 - Cl - B - 2012	0,45	0,3 - 0,5	14/01/2020
5	Clorua (mg/L)	SMBW 4500 - Cl - B - 2012	250,00	250,00	14/01/2020
6	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMBW 2300 - 2012 (*)	160,00	200,00	14/01/2020
7	Độ cứng (mg/L)	SMBW 2300 - 2012	0,35	2	14/01/2020
8	Độ nhớt (mPa.s)	SMBW 2300 - 2012 (*)	2,94	18	14/01/2020
9	Độ nhớt tổng cộng (mg/L)	SMBW 3500 - B - 2012 (*)	0,06	0,3	14/01/2020
10	Độ nhớt (mg/L)	SMBW 3500 - B - 2012 (*)	0,06	0,3	14/01/2020
11	Độ nhớt (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,84	50	14/01/2020
12	Độ nhớt (mg/L)	SMBW 4500 - Cl - B - 2012 (*)	0,84	3	14/01/2020
13	Độ nhớt (mg/L)	TCVN 6180 - 1996	0,75	0,3 - 0,5	14/01/2020
14	Độ nhớt tổng cộng (mg/L)	SMBW 3500 - B - 2012	0,06	0,3	14/01/2020
15	Độ nhớt (mg/L)	SMBW 4500 - Cl - B - 2012	1760	250	14/01/2020